

Bản án số: **18/2022/KDTM - ST**

Ngày: 30/6/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Hảo Hoàn
2. Ông Hoàng Văn Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST- KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST- KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K t V N (T)

Trụ sở: Số 191 phố B T, phường L Đ H, quận H B T, Thành phố H N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị N**, Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ và bà **Hoàng Thị Minh P**, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Bà P có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại V

- Trụ sở/ địa chỉ cũ: Số 502-A18 Tập thể Đ X, phường M D, quận C G, Thành phố H N.
- Trụ sở/địa chỉ mới: Số 69, Đường T Y 12, Phường Y H, quận C G, Thành phố H N, V N.
- Mã số doanh nghiệp: 0101057891 được chuyển đổi từ mã số cũ là: 010105789 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 14 tháng 09 năm 2017.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 (Đã chết).

Kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ là: Bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Thúy A, cháu Nguyễn Bách D, cháu Nguyễn Anh D đều cư trú tại số 115, ngõ 63 L Đ T, phường M Đ 2, quận N T L, TP. H N.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (Có mặt)
3. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
4. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 19, phân trại 4, trại giam Ninh Khánh, Ninh Bình.

5. Chị Hứa Thị Tố N, sinh năm 1984 (Có mặt)
6. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 2000 (Vắng mặt)
7. Cháu Nguyễn Bách D. (Vắng mặt)
8. Cháu Nguyễn Anh D. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu D, cháu D là chị Nguyễn Thị Q – mẹ đẻ (vắng mặt).

9. Cháu Nguyễn Hứa Quỳnh A, sinh năm 2006 (Vắng mặt)
10. Cháu Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh năm 2009 (Vắng mặt)
11. Cháu Nguyễn Nam P, sinh năm 2011 (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu A, cháu L, cháu P là chị Hứa Thị Tố N và anh Nguyễn Thanh T. (Chị N có mặt, anh T vắng mặt)

12. Cháu Nguyễn An N.

Người đại diện hợp pháp của cháu N là chị Nguyễn Thị Thúy A – mẹ đẻ (Vắng mặt)

Trú tại: Số 115, ngõ 63 L Đ T, phường M Đ 2, quận N T L, TP. H N.

13. Ông Võ Hải H.

Địa chỉ số: 502A-18 Tập thể Đ X, phường M D, quận C G, Thành phố H N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K t V N (T) bà Hoàng Thị Minh P trình bày:**

Ngày 07/8/2013, T và Công ty TNHH Thương mại V (gọi tắt là: Công ty V) đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07082013/TCB-DDA/VHS, hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai mươi tỷ đồng), thời hạn sử dụng hạn mức: 12 tháng (từ ngày 07/8/2013 đến ngày 07/8/2014, lãi suất: theo từng lần giải ngân (sau đây gọi tắt là “Hợp Đồng Tín Dụng”).

Để thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng nêu trên, T và Công ty V đã tiếp tục ký kết các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ như sau:

Ngày ký	Số KUNN	Số tiền giải ngân (đồng)	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay: Cố định (%/năm)
13/08/2013	9052	1.787.500.000	Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	06 tháng	11,25
20/08/2013	9066	1.374.000.000		06 tháng	
27/09/2013	9123	1.035.000.000		05 tháng	
08/10/2013	9136	1.250.000.000		06 tháng	
10/10/2013	9143	535.000.000		06 tháng	
15/10/2013	9152	470.000.000		05 tháng	
Tổng cộng		6.451.500.000			

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của Công ty V tại T là:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 7, tại địa chỉ: xã M Đ, huyện T L (nay là phường M Đ 2, quận N T L) thành phố H N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 762222, hồ sơ gốc số 46 QSDĐ do Ủy ban nhân dân (“UBND”) huyện T L (cũ), thành phố H N cấp ngày 21/12/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ; Đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Thúy A vào ngày 27/01/2011 tại văn phòng đăng ký đất và nhà huyện T L, thành phố H N. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 634.2011/HĐTC được ký ngày 29/01/2011 giữa T và ông Võ Hải H (đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 631.2011/HĐUQ được ký giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ và ông Võ Hải H ngày 29/01/2011 tại Phòng Công chứng số 4, thành phố H N) tại Phòng công chứng số 4, TP. H N; Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản được ký ngày 04/5/2011 giữa T và ông Võ Hải H (đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ) tại Phòng công chứng số 4, TP. H N; Tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện T L, H N (cũ).

Quá trình trả nợ và các vi phạm của Công ty V: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty V đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07082013/TCB-DDA/VHS ngày 07/8/2013 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ. Dư nợ tạm tính của Công ty V đến ngày 30/6/2022 như sau: Nợ gốc: 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là: 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là: 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười tám đồng), lãi phạt là: 133.236.972 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), tổng cộng là: 11.200.021.576 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng)

Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, T khởi kiện Công ty V ra trước Tòa án nhân dân quận C G, Thành phố H N, đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Buộc Công ty V thanh toán cho T số tiền: 11.200.021.576 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng), bao gồm: 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng) nợ gốc và số tiền 6,767,857,746 đồng (Sáu tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) nợ lãi (tạm tính đến hết ngày

30/6/2022) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07082013/TCB-DDA/VHS kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

2. Buộc Công ty V thanh toán cho T tiền vi phạm Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07082013/TCB-DDA/VHS với mức: 129.030.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) (tương đương với 2 % giá trị hợp đồng) theo quy định tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07082013/TCB-DDA/VHS.

3. Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 7, tại địa chỉ: xã M Đ, huyện T L (nay là phường M Đ 2, quận N T L) Thành phố H N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 762222, hồ sơ gốc số 46 QSDĐ do UBND huyện TL (cũ), Thành phố H N cấp ngày 21/12/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ. Đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Thúy A vào ngày 27/01/2011 tại văn phòng đăng ký đất và nhà huyện T L, Thành phố H N.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty V đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty V vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện là về việc yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi phạt và phạt vi phạm hợp đồng. Cụ thể ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đòi các khoản tiền sau: **lãi phạt là: 133.236.972 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là: 129.030.000 đồng**. Còn lại giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Số tiền cụ thể ngân hàng yêu cầu như sau:

Nợ gốc: 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là: 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là: 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười tám đồng), lãi phạt là: 133.236.972 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), tổng cộng là: 11.200.021.576 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng)

*Đại diện theo pháp luật của bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T trình bày: Tôi xác định có ký Hợp đồng ủy quyền ngày 29/01/2011 tại trụ sở phòng công chứng số 4, H N, ủy quyền cho Võ Hải H theo nội dung tại Điều 2 các hợp đồng, H được quyền đại diện cho gia đình tôi thế chấp phần diện tích còn lại tại số 52, tờ bản đồ số 7 tại xã M Đ, T L, H N để bảo lãnh cho bên thứ 3 vay vốn ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện công ty V do Võ Hải H làm giám đốc thì tôi đề nghị tòa án yêu cầu công ty trả nợ và trả lại cho gia đình chúng tôi. Hiện nay, tôi đang chấp hành án trong phân trại số 4 nên vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguyên nhân của việc thế chấp tài sản vào ngân hàng là do con trai tôi Nguyễn Thanh T có quen biết với công ty TNHH Thương mại V và lừa gia đình ký hợp đồng thế chấp cho Công ty V bảo lãnh ngân hàng (Việc thế chấp thông qua anh Võ Hải H theo chế định ủy quyền) để vay bao nhiêu tiền chúng tôi không được biết và cũng không nhận tiền.

Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều tham gia tố tụng trong vụ án trường hợp của chị Nguyễn Thị Q đã tiến hành thủ tục tìm kiếm và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án như sau:*

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận C G đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Các yêu cầu khởi kiện khác liên quan đến nợ gốc, lãi, lãi quá hạn và xử lý tài sản đảm bảo là chính đáng nên chấp nhận. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP K t V N (T), sau đây gọi tắt là T hoặc Ngân hàng, khởi kiện đối với bị đơn là Công ty TNHH thương mại V có trụ sở tại: Số 502-A18 Tập thể Đ X, phường M D, quận C G, Thành phố H N (Địa chỉ cũ); Số 69, Đường T Y 12, Phường Y H, quận C G, Thành phố H N, V N (Địa chỉ mới). Do đó, Tòa án nhân dân quận C G thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” do Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào thời hạn Hợp đồng tín dụng, các biên bản làm việc và văn bản thông báo của Ngân hàng TMCP K t V N (T) gửi cho đồng bị đơn, vụ án được khởi kiện trong hạn luật định.

[3] Về luật áp dụng: Đây là Hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2011, loại tín dụng nên được điều chỉnh bằng quy định của BLDS 2005 và Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[4] Về nội dung khởi kiện:

[4.1].Thứ nhất, tại phiên tòa, Ngân hàng đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Cụ thể Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đòi các khoản tiền sau: lãi phạt là: 133.236.972 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), phạt vi phạm hợp đồng là: 129.030.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là quyền của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 71, hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

[4.2].Thứ hai, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bị đơn về khoản tiền phải thanh toán là tạm tính đến ngày 30/6/2022, Nợ gốc: 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là: 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là: 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười tám đồng), lãi phạt là: 133.236.972 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng),

tổng cộng là: 11.200.021.576 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng), HĐXX nhận định:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Ngày 07/8/2013, T và Công ty V đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07082013/TCB-DDA/VHS, hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai mươi tỷ đồng*), thời hạn sử dụng hạn mức: 12 tháng (từ ngày 07/8/2013 đến ngày 07/8/2014, lãi suất: theo từng lần giải ngân. Trên cơ sở đề nghị giải ngân của công ty V, T đã giải ngân cho công ty V, theo các khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ (gọi tắt là: Khế ước nhận nợ), như sau: Khế ước nhận nợ số: 9052 ngày 13/8/2013 với số tiền vay: 1.787.500.000 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng); Khế ước nhận nợ số: 9066 ngày 20/8/2013 với số tiền vay: 1.374.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 9123 ngày 27/9/2013 với số tiền: 1.035.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 9136 ngày 08/10/2013 với số tiền: 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) ; Khế ước nhận nợ số: 9143 ngày 10/10/2013 với số tiền: 535.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu đồng); Khế ước nhận nợ số: 9152 ngày 15/10/2013 với số tiền: 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất vay được áp dụng cố định là: 11,25%/năm.

Xét thấy các điều khoản chính của các Hợp đồng này đều phù hợp với quy định của pháp luật, hình thức được lập thành văn bản, hợp đồng được giao kết giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đúng thẩm quyền, mục đích giao kết và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không vi phạm điều cấm và các bên đều tự nguyện ký kết. Vì vậy hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật và có giá trị ràng buộc giữa các bên. Và đây cũng là căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tính đến ngày xét xử bị đơn mới chỉ thanh toán được: 2.019.336.170 đồng (Hai tỷ không trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi đồng) nợ gốc và 251.833.014 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng) nợ lãi. Đến ngày 30/6/2022 bị đơn còn nợ gốc là 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng). Vì vậy cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ gốc nêu trên cho Ngân hàng là chính đáng.

Về khoản tiền nợ lãi trong hạn là: 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là: 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám

ngàn bảy trăm mười tám đồng), xét thấy mức lãi suất mà ngân hàng áp dụng để tính lãi suất trong hạn và quá hạn là: 11,25%/năm là hoàn toàn phù hợp với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp chính sách lãi suất của ngân hàng qua từng thời kỳ, nên HĐXX chấp nhận. Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi, bị đơn còn nợ là 11.066.784.604 đồng (Mười một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm linh bốn đồng), cần buộc bị đơn phải thanh toán cho ngân hàng.

[4.3].Thứ ba, xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp đồng bị đơn không thanh toán được nợ, HĐXX nhận định:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận của người có tài sản đảm bảo thì để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn, ngân hàng và ông Võ Hải H (Đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 631.2011/HĐUQ được ký giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ và ông Võ Hải H ngày 29/01/2011 tại Phòng Công chứng số 4, thành phố H N) tại Phòng công chứng số 4, TP. H N; Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản được ký ngày 04/5/2011 giữa T và ông Võ Hải H (Đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ) tại Phòng công chứng số 4, TP. H N; Tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện T L, H N (cũ).

Hợp đồng được xác lập giữa các chủ thể có quyền giao kết hợp đồng, có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, hình thức đã lập hợp đồng qua công chứng chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm, nên có hiệu lực pháp luật. Hiện nay đồng bị đơn không thanh toán được nợ nên yêu cầu trên của ngân hàng hoàn toàn chính đáng. Trường hợp đồng bị đơn không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng có toàn quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp tài sản bị xử lý để thu hồi nợ, tất cả những người đang trực tiếp sinh sống quản lý trên tài sản đảm bảo phải có nghĩa vụ bàn giao lại tài sản để đảm bảo thi hành án. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì đồng bị đơn phải tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng. Kể từ ngày 24/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, thì đồng bị đơn vẫn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Mọi tranh chấp giữa gia đình bà Nguyễn Thị H và ông Võ Hải H nếu có liên quan đến hợp đồng ủy quyền thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Án phí bị đơn phải chịu. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 286, Điều 290, Điều 302, Điều 319, Điều 342, khoản 5 Điều 351, Điều 355, Điều 474, Điều 715 và Điều 716 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 171, Điều 184, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS, chấp nhận yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng **TMCP K t V N (T)** đối với Công ty TNHH Thương mại V về việc yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản tiền: lãi phạt là: 133.236.972 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) (tạm tính đến ngày 30/6/2022) và lãi phạt phát sinh kể từ ngày 01/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; phạt vi phạm hợp đồng là: 129.030.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K t V N (T)** về việc yêu cầu khoản tiền **lãi phạt 133.236.972 đồng** (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) và **phí phạt vi phạm hợp đồng là 129.030.000 đồng**.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K t V N (T)** về việc yêu cầu bị đơn **Công ty TNHH thương mại V** phải thanh toán khoản tiền tạm tính đến ngày 30/6/2022, Nợ gốc: 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là: 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là: 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười tám đồng), lãi phạt là: 133.236.972 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), tổng cộng là: 11.200.021.576 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng)

Buộc Công ty TNHH Thương mại V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng **TMCP K t V N (T)** khoản tiền **11.066.784.604 đồng** (Mười một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ

bốn đồng), trong đó nợ gốc là 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười tám đồng).

3. Kể từ ngày 01/7/2022, bị đơn có nghĩa vụ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này.

4. Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty TNHH Thương mại V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán không thanh toán bất kỳ một khoản gốc lãi nào khoản tiền **11.066.784.604 đồng (Mười một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc là 4.432.163.830 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 93.242.056 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 6.541.378.718 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười tám đồng),** khoản nợ gốc và lãi nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T. Cụ thể tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất còn lại đối với thửa đất số **52**, tờ bản đồ số **7**, tại địa chỉ: xã M Đ, huyện T L (Nay là phường M Đ 2, quận N T L) thành phố H N và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **U 762222**, hồ sơ gốc số 46 QSDĐ do Ủy ban nhân dân (“UBND”) huyện T L (cũ), Thành phố H N cấp ngày 21/12/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ; đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Thúy A vào ngày 27/01/2011 tại văn phòng đăng ký đất và nhà huyện T L, Thành phố H N. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 634.2011/HĐTC được ký ngày 29/01/2011 giữa T và ông Võ Hải H (Đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 631.2011/HĐUQ được ký giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ và ông Võ Hải H ngày 29/01/2011 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố H N) tại Phòng công chứng số 4, TP. H N; Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản được ký ngày 04/5/2011 giữa T và ông Võ Hải H (Đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ) tại Phòng công chứng số 4, TP. H N. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Thương mại V đối với T. Nếu số tiền

thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, Công ty TNHH Thương mại V vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T. Khi tài sản đảm bảo nêu trên bị xử lý để thu hồi nợ, tất cả những người đang quản lý sử dụng tài sản đảm bảo đều phải có nghĩa vụ bàn giao lại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

5. Án phí KDTM:

Bị đơn Công ty TNHH thương mại V phải chịu: 119.066.785 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn Ngân hàng TMCP K t V N (T) số tiền: 58.900.000 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003904 ngày 14.10.2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận C G, thành phố H N.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K t V N (T) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng

